

Số:1134/SGDDĐT-GDTrH-TX&CN

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 8 năm 2016

V/v Hướng dẫn triển khai mô hình
trường học mới cấp THCS
từ năm học 2016-2017

Kính gửi: Trưởng phòng Phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Công văn số 4668/BGDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn triển khai mô hình trường học mới (THM) Việt Nam cấp trung học cơ sở (THCS) từ năm học 2015-2016; Công văn số 4669/BGDĐT-GDTrH, ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá học sinh theo mô hình THM.

Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị thực hiện triển khai mô hình THM cấp THCS từ năm học 2016 – 2017 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA

- Học sinh chủ động học tập và thường xuyên được rèn luyện phương pháp tự học. Đây là tiền đề cho việc xây dựng xã hội học tập, xây dựng thói quen tự học, chủ động để học sinh học tập suốt đời.

- Học sinh được xây dựng được thói quen tự quản, được rèn luyện kỹ năng sống trong tập thể mà đặc biệt kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác, chia sẻ. Với mô hình THM việc học không chỉ mang đến kiến thức, rèn kỹ năng sống, mà còn hình thành đạo đức, nhân cách cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm trong lớp học và ngoài xã hội.

- Giúp cha mẹ học sinh theo dõi, đánh giá sự tiến bộ của con em, thu hút sự tham gia của cộng đồng vào nhà trường.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác vận động, tuyên truyền, huy động sự tham gia của cộng đồng, địa phương

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức và cộng đồng trách nhiệm của chính quyền địa phương, của cộng đồng xã hội và các bậc phụ huynh thông qua các buổi họp giao ban, tiếp xúc cử tri và họp phụ huynh học sinh.

- Lãnh đạo nhà trường, các giáo viên dạy lớp theo mô hình THM tiếp tục phối hợp tốt với ban đại diện cha mẹ học sinh, chi hội trường của các lớp tham mưu, huy động xây dựng nguồn vốn để trang trí các góc học tập... ; đồng thời vận động phụ huynh tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục trong nhà trường, như: dự giờ; hỗ trợ con em hoàn thành các bài tập ứng dụng; đánh giá

kết quả học tập, rèn luyện, sự tiến bộ của con em; hỗ trợ con em tổ chức các hoạt động tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, cách mạng ở địa phương...

2. Kế hoạch giáo dục

- Các trường THCS chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung thời gian 37 tuần thực học, kiểm tra học kì và các hoạt động giáo dục khác (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ.

- Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính bằng 35 tuần) đối với từng môn và hoạt động giáo dục (HĐGD). Số tiết các môn cụ thể (*phụ lục 1 kèm theo*).

- Đối với môn Tự chọn: Tùy điều kiện cụ thể về năng lực học tập của học sinh, giáo viên chủ nhiệm phối hợp giáo viên bộ môn đề xuất Hiệu trưởng thời lượng và nội dung dạy học chủ đề tự chọn bám sát, tập trung 3 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Việc giáo dục kỹ năng sống, giáo dục địa phương tiếp tục thực hiện tích hợp vào các hoạt động giáo dục và dạy học theo các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT.

- Tài liệu Hướng dẫn học các môn học/HĐGD được biên soạn với thời lượng 35 tuần (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra). Các trường có thể sử dụng các tuần còn lại để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục học kỳ 1 và cả năm học; tổ chức một số hoạt động đầu năm học gồm: Đón học sinh đầu cấp học; tổ chức lớp học; tổ chức cho học sinh và cha mẹ học sinh hoạt động tìm hiểu về nhà trường, về chương trình giáo dục theo mô hình THM; hướng dẫn tham gia một số hoạt động trong và ngoài nhà trường;... và dự phòng. Việc dạy học môn ngoại ngữ được thực hiện theo lộ trình của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020; không bắt buộc học sinh học theo chương trình ngoại ngữ mới khi chưa đủ điều kiện.

- Về phân phối chương trình chi tiết của từng môn học/HĐGD: Các tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào thời lượng và kết cấu logic của các chủ đề, đề xuất phân phối chương trình chi tiết trong cả năm học để nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học/giáo dục và xếp thời khóa biểu cho phù hợp. Thời khóa biểu của các lớp thí điểm cần được bố trí linh hoạt, có thể không xếp cố định số tiết của một môn học, HĐGD/tuần như trong bảng trên.

3. Tổ chức lớp học

- Số lượng học sinh/lớp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, tối đa là 45 học sinh/lớp. Tùy theo điều kiện thực tế, khuyến khích các trường giảm sĩ số học sinh/lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo mô hình VNEN.

- Hội đồng tự quản (HĐTQ) học sinh là một tổ chức của học sinh, bao gồm chủ tịch, các phó chủ tịch và các ban do học sinh bầu ra ở từng lớp, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, do học sinh và vì học sinh, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và sự hỗ trợ của cha mẹ học sinh, tập trung vào các sinh hoạt tập thể, không làm thay việc tổ chức hoạt động dạy học của giáo viên.

- Mỗi lớp được chia thành các nhóm học tập, mỗi nhóm có nhóm trưởng, thư kí... (được thay đổi luân phiên trong năm học) để tổ chức hoạt động học cá nhân học theo nhóm (nội dung chi tiết về tổ chức các hoạt động học của học sinh được hướng dẫn cụ thể trong “*tài liệu tập huấn Cán bộ quản lý, giáo viên triển khai mô hình THM mới Việt Nam*”).

- Không gian lớp học được bố trí thêm góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng, bảng nội quy lớp học, góc sinh nhật, hộp thư "điều em muốn nói", hộp thư cá nhân...; bàn ghế được bố trí ngồi theo nhóm để thực hiện các hoạt động học tập theo mô hình THM. Khuyến khích các trường bố trí phòng học riêng và tổ chức học 2 buổi/ngày đối với các lớp mô hình THM. Trong trường hợp không bố trí được phòng học riêng cho mỗi lớp học mà phải sử dụng chung với lớp khác, nhà trường có thể trang bị thêm cho mỗi lớp tủ tường ở vị trí phù hợp để các lớp có thể bố trí và quản lí các dụng cụ học tập của lớp mình.

- Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (nếu có) cho các lớp mô hình THM thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1340/SGDDĐT-GDTrH ngày 05/11/2010 của Bộ GDĐT một cách phù hợp.

4. Bố trí giáo viên giảng dạy

Việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn về cơ bản được thực hiện theo quy định hiện hành. Trong thời gian trước mắt, việc dạy học các chủ đề thuộc phân môn trong các môn học tích hợp (Vật lí, Hóa học, Sinh học trong môn Khoa học Tự nhiên; Lịch sử, Địa lí trong môn Khoa học Xã hội; Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục trong môn Hoạt động giáo dục) do giáo viên bộ môn hiện nay đảm nhận. Đối với các chủ đề tích hợp, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, tham mưu để Hiệu trưởng lựa chọn phân công giáo viên có điều kiện thuận lợi nhất giảng dạy. Thông qua việc triển khai mô hình THM và qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên giúp nhau tự bồi dưỡng để những năm học sau, đặc biệt khi thực hiện chương trình giáo dục mới thì mỗi giáo viên có thể đảm nhận nhiều phân môn trong một môn học tích hợp.

5. Tổ chức dạy học

- Hoạt động dạy học được thiết kế trong tài liệu Hướng dẫn học. Các bài học được biên soạn theo một cấu trúc thống nhất, bao gồm các hoạt động: Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi mở rộng. Hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học được thực hiện ở nhiều tiết học, mỗi tiết có thể chỉ thực hiện một hoặc một số hoạt động. Các hoạt động học tập có thể được thực hiện ở trong hoặc ngoài giờ trên lớp.

- Ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động học tập ở trên lớp, giáo viên cần chú trọng giao cho học sinh hoạt động học tập ở ngoài lớp học và ở nhà, nhất là hoạt động "Vận dụng" và hoạt động "Tìm tòi mở rộng" với những yêu cầu cụ thể về sản phẩm phải hoàn thành và được tổ chức đánh giá dưới nhiều hình thức: có thể cho một số học sinh có sản phẩm báo cáo trước lớp để thảo luận; hướng dẫn học sinh đưa sản phẩm vào "Góc học tập" hoặc "Góc thư viện" để chia sẻ cho các bạn trong lớp; giao cho HĐTQ học sinh tổ chức cho mỗi học sinh tìm hiểu và viết lời nhận xét cho sản phẩm của bạn; giao cho mỗi học sinh chọn sản phẩm của bạn để viết nhận xét và nộp cho giáo viên... Với tài khoản được cấp, giáo viên có thể tạo các bài học giao cho học sinh thực hiện trên mạng "Trường học kết nối" tại địa chỉ: <http://truonghocketnoi.edu.vn>.

- Không yêu cầu giáo viên soạn giáo án vì tài liệu Hướng dẫn học đã hướng dẫn chi tiết các hoạt động. Thay vào đó, để tổ chức dạy học đạt hiệu quả, giáo viên cần phải nghiên cứu trước từng bài học, dự kiến tình huống có thể gặp trên lớp để chủ động, xử lý, điều chỉnh các hoạt động khi cần thiết; bổ sung nhiệm vụ cho học sinh giỏi, hướng dẫn đối với học sinh có khó khăn; ghi chép những nội dung cần điều chỉnh trong tài liệu, các thắc mắc của học sinh và cha mẹ học sinh về nội dung bài học, những điều cần lưu ý liên quan đến học sinh,... Các nội dung đó được ghi chép vào "Sổ tay lên lớp" (ghi chép cá nhân). Khi thật sự cần thiết các cấp quản lý không kiểm tra nội dung trong "Sổ tay lên lớp" của giáo viên.

- Nhà trường, giáo viên thường xuyên liên hệ với cha mẹ/người đỡ đầu (gọi chung là cha mẹ) học sinh, có thể mời cha mẹ học sinh đến dự giờ, thăm lớp; cách thức liên hệ với cha mẹ học sinh cần linh hoạt, có thể sử dụng thư điện tử, tin nhắn...

- Các lớp học theo mô hình THM cần được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, học liệu, thư viện, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ... để tổ chức các hoạt động học tập. Đồng thời động viên giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học để tổ chức các hoạt động học tương ứng cho học sinh.

6. Kiểm tra, đánh giá

Thực hiện theo hướng dẫn đính kèm (phụ lục 2).

7. Quản lý hoạt động dạy học, giáo dục

- Việc quản lý hoạt động dạy học, giáo dục ở các trường/lớp thí điểm mô hình VNEN cần thực hiện theo hướng bảo đảm quyền tự chủ của nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên đi đôi với việc nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, công tác kiểm tra giám sát và giúp đỡ của cơ quan quản lý giáo dục; theo các quy định hiện hành và kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh của nhà trường.

- Các địa phương có trường tổ chức triển khai mô hình THM chú trọng các biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thời gian, kinh phí... khuyến khích, tạo động lực cho giáo viên tích cực, chủ động,

sáng tạo trong thực hiện kế hoạch, đề xuất điều chỉnh, báo cáo kết quả và kinh nghiệm các hoạt động.

- Các hoạt động chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra của cấp trên đều phải tôn trọng kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt của nhà trường. ***Các cấp quản lý chưa xếp loại giờ dạy, chưa thanh tra hoạt động sư phạm của giáo viên dạy học theo mô hình THM nếu giáo viên không có nguyện vọng được xếp loại, được thanh tra.***

- Tập trung đổi mới sinh hoạt của tổ/nhóm chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để điều chỉnh và góp ý điều chỉnh nội dung tài liệu Hướng dẫn học, hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, phân phối chương trình các môn học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Nên ghi hình các tiết dạy và các cuộc họp, thảo luận/rút kinh nghiệm để làm tư liệu chia sẻ cho giáo viên tham khảo.

- Tổ chức tốt hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường; cử người phụ trách diễn đàn và chỉ đạo các trường tích cực tham gia diễn đàn trên mạng; tăng cường tổ chức các hội thảo, đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện mô hình THM.

- Tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh thông qua các hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập, giao lưu giữa nhà trường với các cơ sở giáo dục tham gia triển khai theo mô hình THM và các cơ sở giáo dục khác.

8. Quản lý, sử dụng hồ sơ sổ sách

8.1. Hồ sơ giáo viên

Sổ tay lên lớp

Sổ theo dõi chất lượng giáo dục (tham khảo sổ theo dõi chất lượng của Tiểu học, không quy định mẫu)

Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên chủ nhiệm lớp, thực hiện theo quy định hiện hành)

8.2. Hồ Sơ học sinh

Thực hiện theo quy định của hồ sơ đánh giá

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở GDĐT

- Tổ chức tập huấn cho lãnh đạo, chuyên viên các phòng GDĐT; lãnh đạo nhà trường và tất cả giáo viên trực tiếp dạy theo mô hình THM.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện triển khai mô hình THM đến các phòng GDĐT.

- Tổ chức kiểm tra, tư vấn giúp các đơn vị triển khai có hiệu quả mô hình THM.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai mô hình THM cấp THCS.

2. Phòng GDĐT

- Báo cáo với các cấp lãnh đạo địa phương, tổ chức tốt công tác tuyên truyền sâu rộng trong các cấp quản lý, cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội về mô hình THM cấp THCS.

- Triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT đến các trường THCS;

- Tổ chức kiểm tra, tư vấn, trực tiếp chỉ đạo các trường THCS thực hiện có hiệu quả mô hình THM.

- Ưu tiên đầu tư cho các trường về cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, giáo viên, kinh phí;... để các trường có điều kiện thực hiện tốt mô hình THM cấp THCS.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai mô hình THM cấp THCS.

3. Trường THCS

- Phối hợp tổ chức công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội trên địa bàn về mô hình THM cấp THCS. Huy động sự tham gia thường xuyên của gia đình, cộng đồng vào công tác quản lý và hoạt động giáo dục của nhà trường trong mô hình THM cấp THCS.

- Quán triệt quan điểm chỉ đạo của cấp trên về việc thực hiện triển khai mô hình THM tại đơn vị cho tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên giao lưu học tập kinh nghiệm về kiểm tra, đánh giá học sinh ở các trường Tiểu học.

- Thực hiện tốt các nội dung chỉ đạo của Sở và Phòng GDĐT.

- Phê duyệt phân phối chương trình dạy học của các bộ môn.

- Kiểm tra việc dạy và học của giáo viên và học sinh.

- Thường xuyên tổ chức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn để nghiên cứu, điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường và năng lực của học sinh; tổ chức dạy học và dự giờ, phân tích giờ dạy, rút kinh nghiệm để hoàn thiện các bài học, tiến trình dạy học và phương pháp tổ chức hoạt động dạy học theo các tiêu chí trong Công văn 1196/SGDĐTGDTrH ngày 28/8/2015 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại giờ dạy của giáo viên từ năm học 2015-2016. Tổ chức phong trào tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai mô hình trường học mới, báo cáo chất lượng giáo dục về phòng GDĐT.

Sở GDĐT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc đơn vị báo cáo về Sở GDĐT (qua phòng GDTrH-TX&CN) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên (để t/h);
- GD và các PGD (để b/c);
- Trưởng các Phòng CMNV Sở (để p/h);
- Lưu: VT, GDTrH-TX&CN, Th, 16b.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Danh

PHỤ LỤC 1

Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học đối với từng môn và hoạt động giáo dục

(Kèm theo Công văn số 1134 /SGDDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 23/8/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

* Đối với lớp 6:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
1	Toán	4	140
2	Ngữ văn	4	140
3	Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, sinh học)	3	105
4	Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí)	2	70
5	Giáo dục Công dân	1	35
6	Công nghệ	2	70
7	Tin học	2	70
8	Ngoại ngữ	3	105
9	Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, thể dục)	4	140
10	Giáo dục tập thể	2	70
11	Tự chọn (Ngoại ngữ 2; kĩ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương,...)	2	70

* Đối với lớp 7:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
1	Toán	4	140
2	Ngữ văn	4	140
3	Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, sinh học)	3	105
4	Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí)	4	140
5	Giáo dục Công dân	1	35
6	Công nghệ	1,5	52

7	Tin học	2	70
8	Ngoại ngữ	3	105
9	Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, thể dục)	4	140
10	Giáo dục tập thể	2	70
11	Tự chọn (Ngoại ngữ 2; kĩ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương,...)	2	70

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN

Về việc đánh giá học sinh theo mô hình trường học mới THCS

(Kèm theo Công văn số 1134/SGDDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 23 /8/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. Những vấn đề chung

- Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, các sản phẩm học tập được nhận xét, đánh giá, chia sẻ dưới nhiều hình thức. Sau mỗi hoạt động học, học sinh cần phải hoàn thành một sản phẩm học tập, báo cáo với giáo viên để được nhận xét, đánh giá.

- Hình thức đánh giá trong quá trình hoạt động học trên lớp chủ yếu là nhận xét bằng lời, đồng thời gợi ý, hướng dẫn để học sinh tiếp tục hoàn thiện sản phẩm học tập và học tiếp. Khi giáo viên nhận xét bằng lời, cần lưu ý rèn luyện cho học sinh thói quen ghi chép lại những lời nhận xét đó vào vở để hoàn thiện sản phẩm học tập, đồng thời để sử dụng trong quá trình ôn tập về sau.

- Đối với một số học sinh đặc biệt (học sinh đạt được kết quả tốt hoặc học sinh còn yếu, kém) thì giáo viên có thể ghi trực tiếp những lời nhận xét, đánh giá và vở của học sinh, để vừa động viên, nhắc nhở học sinh, vừa phối hợp với gia đình trong việc động viên, giúp đỡ học sinh tiến bộ.

- Trong các hoạt động học, nhất là hoạt động "Luyện tập", sản phẩm học tập của học sinh có thể là kết quả thí nghiệm; câu trả lời cho các câu hỏi định tính; lời giải cho các bài tập định lượng; lời lập luận, giải thích cho các ứng dụng thực tiễn..., giáo viên có thể nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành đồng thời gợi ý, định hướng để học sinh tiếp tục hoàn thiện.

- Ngoài việc được đánh giá, nhận xét, các sản phẩm học tập của học sinh, bao gồm sản phẩm hoạt động học trên lớp và nhất là các sản phẩm học tập ở nhà và cộng đồng (Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng), các dự án học tập... cần được chia sẻ cho đông đảo học sinh trong lớp bằng nhiều hình thức như: tổ chức báo cáo và thảo luận trên lớp; đưa vào góc học tập, góc thư viện; giao nhiệm vụ cho học sinh trong lớp tìm đọc, lựa chọn và nhận xét các sản phẩm học tập của bạn...

** Lưu ý: Nhằm kịp thời đánh giá chất lượng học tập của học sinh, từ đó giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy, hướng dẫn học sinh thay đổi phương pháp học cho phù hợp. Các đơn vị chỉ đạo giáo viên ngoài việc thực hiện đánh giá thường xuyên theo hướng dẫn cần tiến hành kiểm tra kiến thức, kỹ năng của học sinh thông qua các bài kiểm tra viết (15 phút, 1 tiết). Trong giai đoạn đầu, khi giáo viên chưa quen với việc chỉ đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, giáo viên cũng có thể cho điểm kèm theo để biết được mức độ hoàn thành bài luyện tập của học sinh. Tuy nhiên, không công bố điểm cho học sinh.*

II. Mục đích đánh giá

- Đánh giá học sinh THCS mô hình trường học mới được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh THCS nhằm mục đích giúp:

1. Học sinh tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của học sinh trong quá trình giáo dục.

2. Giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.

3. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

4. Cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

III. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh dựa trên mục tiêu giáo dục THCS; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập.

2. Chú trọng đánh giá thường xuyên, đa dạng hóa các hình thức và công cụ đánh giá: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

3. Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tính

tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

4. Việc đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả học sinh theo nguyên tắc đồng viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.

IV. Nội dung đánh giá

1. Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục THCS theo từng môn học và hoạt động giáo dục.

2. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh.

3. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số năng lực của học sinh.

V. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ

1. Đánh giá thường xuyên

1.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

1.2. Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: giáo viên, học sinh (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho học sinh, giáo viên, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Giáo viên đánh giá

- Đánh giá quá trình học tập của học sinh

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

+ Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh/nhóm học sinh theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các học sinh; những học sinh hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những học sinh có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để học sinh biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

+ Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết...

- Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

(Các biểu hiện phẩm chất và năng lực nêu ở **Phụ lục 3** và **Phụ lục 4** kèm theo)

- Lưu ý

+ Trong đánh giá thường xuyên giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của học sinh; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn học sinh, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện. Trong quá trình đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể chấm và ghi điểm trên một số sản phẩm học tập để học sinh tham khảo nhưng không lưu điểm trên các loại hồ sơ khác.

+ Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ học sinh, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh riêng... của từng học sinh để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp học sinh tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lý học sinh.

+ Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ học sinh và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

+ Hằng tháng, đối với những học sinh cần được quan tâm nhiều hơn, giáo viên ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của giáo viên về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những học sinh chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

1.2.2. Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

- Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

1.2.3. Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ học sinh được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường đồng viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của học sinh; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ học sinh.

1.3. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra định kỳ giữa Học kỳ I và giữa Học kỳ II.

2. Đánh giá định kỳ kết quả học tập

2.1. Việc đánh giá định kỳ được áp dụng với tất cả các môn học thông qua các bài kiểm tra. Bài kiểm tra định kỳ của các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Tin học có thời lượng 90 phút; các môn còn lại có thời lượng 45 phút.

2.1.1. Các bài kiểm tra định kỳ

- Các bài kiểm tra giữa và cuối Học kỳ I, giữa Học kỳ II và cuối năm học nhằm giúp cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh đánh giá được kết quả học tập của học sinh và "nhìn lại" quá trình đánh giá thường xuyên trước đó. Điểm số của các bài kiểm tra giữa học kỳ không được tính vào kết quả đánh giá cuối Học kỳ I và cuối năm học. Nhà trường, giáo viên chủ động bố trí thời gian thực hiện các bài kiểm tra giữa kỳ phù hợp với kế hoạch dạy học bộ môn. Đánh giá qua bài kiểm tra định kỳ được lượng hóa bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho học sinh. Nội dung nhận xét phải thỏa đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lý học sinh; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lý học sinh. Đối với học sinh có kết quả bài kiểm tra định kỳ không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lý thì có thể cho học sinh kiểm tra lại.

- Các bài kiểm tra cuối Học kỳ I và cuối năm học nhằm đánh giá kết quả học tập của học sinh; điểm số mà học sinh đạt được trong các bài kiểm tra Học kỳ I và cuối năm học được ghi nhận trong hồ sơ đánh giá học sinh.

2.1.2. Đề kiểm tra định kỳ

- Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

+ Nhận biết: học sinh nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học khi được yêu cầu.

+ Thông hiểu: học sinh diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

+ Vận dụng: học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

+ Vận dụng cao: học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

- Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

- Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kỳ và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỷ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

2.2. Việc kiểm tra, đánh giá đối với các môn ngoại ngữ được thực hiện theo hướng dẫn riêng của từng ngoại ngữ nhưng chỉ ghi điểm của bài kiểm tra Học kỳ I và bài kiểm tra cuối năm học vào sổ đánh giá học sinh theo hướng dẫn tại Mục 2.1 văn bản này.

2.3. Đối với Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả bài kiểm tra định kỳ theo hai mức:

- Đạt yêu cầu: Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

+ Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;

+ Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

- Chưa đạt yêu cầu: Các trường hợp còn lại.

VI. Tổng hợp đánh giá định kỳ và xét khen thưởng

1. Vào cuối học kỳ I và cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên bộ môn để đánh giá tổng hợp từng học sinh:

1.1. Nhận xét quá trình và kết quả học tập từng môn học: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/hoạt động giáo dục; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có). Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành".

1.2. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của năng lực để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế".

1.3. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của phẩm chất để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm".

1.4. Xét khen thưởng học sinh

- Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn tập thể học sinh bình bầu những học sinh đạt thành tích nổi bật hay có tiến bộ vượt bậc trong các nội dung đánh giá, đạt thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua, các cuộc thi; tham khảo ý kiến của giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

- Học sinh có thành tích đột xuất có thể được xét khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

- Nội dung, số lượng học sinh được khen thưởng, tuyên dương do hiệu trưởng quyết định.

1.5. Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập, nếu khả năng của học sinh có thể đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung thì được đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc đánh giá học sinh khuyết tật phải dựa trên sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh.

2. Giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng học sinh khi bắt đầu vào Học kỳ II hoặc bắt đầu năm học mới.

VII. Hồ sơ đánh giá

1. Hồ sơ đánh giá được coi là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh; là phương tiện giúp cho việc thông tin nhằm tăng cường sự phối hợp giáo dục học sinh giữa giáo viên, nhà trường với cha mẹ học sinh.

2. Hồ sơ đánh giá theo năm học của mỗi học sinh

2.1. Sổ đánh giá học sinh (Phụ lục 5)

- Sổ đánh giá học sinh là hồ sơ của trường, lớp để ghi nhận kết quả học tập và rèn luyện của học sinh trong một học kỳ, một năm học, do văn phòng nhà trường chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc quản lý, được in ra và xác lập xong trong Học kỳ I lớp 6; khi sửa chữa (nếu có) dùng mực đỏ gạch ngang điểm

cũ, ghi điểm mới vào phía trên bên phải vị trí ghi điểm cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa bên cạnh điểm đã sửa. Học sinh thôi học hoặc bỏ học được ghi chú thích rõ bằng bút mực đỏ.

- Điểm bài kiểm tra định kì do giáo viên bộ môn trực tiếp ghi vào sổ đánh giá học sinh theo cột, mục quy định sau mỗi học kỳ, cuối năm học. Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi những biểu hiện đáng chú ý về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của một số học sinh: học sinh có năng lực, phẩm chất nổi bật; học sinh có sự tiến bộ nổi bật; học sinh cần theo dõi, giúp đỡ thêm...

2.2. Học bạ (*Phụ lục 6*)

- Học bạ là hồ sơ cá nhân, ghi nhận kết quả học tập và rèn luyện của học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 do nhà trường trực tiếp quản lý (Học sinh khuyết tật sử dụng Kế hoạch giáo dục cá nhân thay cho học bạ). Học bạ được in ra và xác lập xong trong Học kì I lớp 6; có dấu giáp lai giữa hai trang liên tiếp bằng dấu của nhà trường. Học bạ chỉ trả lại học sinh khi thôi học, chuyển trường, tốt nghiệp ra trường.

- Ghi đầy đủ nhận xét những biểu hiện nổi bật về mức độ hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh; điểm kiểm tra định kỳ cuối năm, có chữ ký xác nhận của giáo viên bộ môn; được lên lớp hoặc ở lại lớp; nhận xét của giáo viên chủ nhiệm và phê duyệt học bạ của hiệu trưởng theo từng năm học và những thông tin khác.

+ Đối với môn Khoa học tự nhiên: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 3 phân môn Vật lý, Hoá học, Sinh học;

+ Đối với môn Khoa học xã hội: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 2 phân môn Lịch sử, Địa lý;

+ Đối với môn Hoạt động giáo dục: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 3 phân môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục.

2.3. Bài kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm học

2.4. Nội dung các nhận xét về thành tích nổi bật hoặc những điều cần lưu ý trong học tập và rèn luyện của học sinh được rút ra từ "Sổ tay lên lớp" của giáo viên.

2.5. Các sản phẩm học tập khác như: Bài dự thi, Dự án dự thi khoa học, kĩ thuật đã đoạt giải,... (nếu có);

2.6. Phiếu hoặc sổ liên lạc trao đổi ý kiến của cha mẹ học sinh (nếu có);

2.7. Giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương,... xác nhận thành tích của học sinh trong năm học (nếu có).

3. Khuyến khích giáo viên, nhà trường sử dụng máy tính (với phần mềm chuyên dụng hoặc các phần mềm thông dụng như word, excel...) để ghi chép và lưu trữ hồ sơ đánh giá học sinh. Cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết, hồ sơ đánh giá học sinh được in ra để giáo viên và lãnh đạo nhà trường kí tên, đóng dấu và lưu giữ tại nhà trường.

4. Đối với học sinh chuyển đi khỏi lớp mô hình trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh hoàn thiện theo hướng dẫn này được nộp vào cơ sở giáo dục mới và kết hợp với hồ sơ ở trường mới. Đối với học sinh chuyển đến lớp mô hình trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh gồm hồ sơ học tại trường cũ (cập nhật đến thời điểm chuyển đến) và hồ sơ đánh giá thực hiện theo hướng dẫn này.

VIII. Sử dụng kết quả đánh giá

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học: Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Điểm các bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học; điểm trung bình cả năm môn Tiếng Anh: Đạt 5 điểm trở lên. Kết quả đánh giá định kỳ hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục): Đạt yêu cầu.

- Tổng hợp đánh giá cuối năm học đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục: Hoàn thành; Mức độ hình thành và phát triển năng lực: Đạt; Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất: Đạt.

2. Đối với học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, hiệu trưởng phân công giáo viên lập kế hoạch, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ từng học sinh; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học vào đầu năm học mới.

3. Đối với những học sinh đã được giáo viên trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ mà vẫn chưa đạt một trong các điều kiện quy định tại điểm 1 mục này, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, bài kiểm tra định kỳ, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Đối với những học sinh có nội dung chưa hoàn thành trong kết quả học tập, được lên lớp hay không được lên lớp, đều cần rèn luyện thêm về phẩm chất hoặc năng lực và đầu năm học mới được bàn giao cho giáo viên lớp mới để được tiếp tục giúp đỡ tiến bộ.

4. Kết quả xét hoàn thành chương trình lớp học được ghi vào học bạ.

IX. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của sở GDĐT, phòng GDĐT

1.1. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn kỹ mục đích, nguyên tắc, nội dung và cách thức đánh giá học sinh THCS cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh các trường mô hình trường học mới; đồng thời có biện pháp tuyên truyền, giải thích, tạo sự đồng thuận cho cộng đồng xã hội trên địa bàn.

1.2. Chỉ đạo các cấp quản lý và các trường tổ chức thực hiện tốt công tác đánh giá học sinh THCS mô hình trường học mới; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GDĐT.

2. Trách nhiệm của hiệu trưởng

2.1. Phối hợp tổ chức công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội trên địa bàn về hoạt động đánh giá trong mô hình trường học mới cấp THCS. Huy động sự tham gia thường xuyên của gia đình, cộng đồng vào hoạt động đánh giá học sinh.

2.2. Tổ chức thực hiện đánh giá học sinh; khen thưởng học sinh; báo cáo kết quả thực hiện về phòng GDĐT.

2.3. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; xét hoàn thành chương trình lớp học, cấp học; xét lên lớp; duyệt kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; quản lý học bạ trong thời gian học sinh học ở trường.

2.4. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến thắc mắc, đề nghị của học sinh, cha mẹ học sinh về nhận xét, đánh giá, khen thưởng theo phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.

2.5. Hướng dẫn giáo viên sử dụng mẫu học bạ theo quy định của Bộ GDĐT.

3. Trách nhiệm của giáo viên

3.1. Giáo viên chủ nhiệm

- Chịu trách nhiệm chính, phối hợp giáo viên bộ môn trong việc đánh giá kết quả học tập, phẩm chất, năng lực của học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; tổng hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

- Có trách nhiệm thông báo đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh cho cha mẹ học sinh giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II, cuối năm học hoặc khi được yêu cầu; không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm còn hạn chế của học sinh; duy trì mối liên hệ với cha mẹ học sinh để phối hợp giáo dục học sinh.

3.2. Giáo viên bộ môn

- Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh đối với môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy cùng lớp, cha mẹ học sinh lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện đối với môn học và hoạt động giáo dục.

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh, hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh.

4. Trách nhiệm và quyền của học sinh

4.1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; tiếp nhận sự giáo dục để luôn tiến bộ.

4.2. Có quyền nêu ý kiến và được nhận sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên, hiệu trưởng về kết quả đánh giá./.

PHỤ LỤC 3

CÁC BIỂU HIỆN PHẨM CHẤT CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Công văn số 1134 /SGDDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 23 /8/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phẩm chất	Biểu hiện
1. Sống yêu thương	a) Yêu Tổ quốc: Có ý thức tìm hiểu và gìn giữ các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; quan tâm đến những sự kiện chính trị, thời sự nổi bật ở địa phương, trong nước và quốc tế.
	b) Giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình Việt Nam: Yêu mến, quan tâm, giúp đỡ các thành viên gia đình; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ; thực hiện trách nhiệm đối với gia đình.
	c) Giữ gìn, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước: Tôn trọng, giữ gìn và tuyên truyền, nhắc nhở người khác cùng giữ gìn di sản văn hoá của quê hương, đất nước.
	d) Tôn trọng các nền văn hoá trên thế giới: Tôn trọng các dân tộc, các quốc gia và các nền văn hoá trên thế giới.
	đ) Nhân ái, khoan dung: Phản đối cái ác, cái xấu, phê phán và tham gia ngăn chặn các hành vi bạo lực; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, xã hội; sẵn sàng cộng tác với mọi người xung quanh; tôn trọng sự khác biệt của mỗi người.
	e) Yêu thiên nhiên: Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi phá hoại thiên nhiên.
2. Sống tự chủ	a) Trung thực: Phê phán các hành vi gian dối trong học tập và trong cuộc sống.
	b) Tự trọng: Cư xử đúng mực và luôn làm tròn nhiệm vụ của mình.
	c) Tự lực: Chủ động, tích cực học hỏi để thực hiện những công việc hàng ngày của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; phê phán những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.
	d) Chăm chỉ, vượt khó: Siêng năng trong học tập và lao động; ý thức được thuận lợi, khó khăn trong học tập và sinh hoạt của bản thân và chủ động khắc phục vượt qua.
	đ) Tự hoàn thiện: Có ý thức rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân theo các giá trị xã hội.
3. Sống trách nhiệm	a) Tự nguyện: Không đổ lỗi cho người khác, có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình đã gây ra; quan tâm đến các công việc chung.
	b) Chấp hành kỷ luật: Tìm hiểu và chấp hành những quy định chung của tập thể và cộng đồng; tránh những hành vi vi phạm kỷ luật.
	c) Tuân thủ pháp luật: Tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật.
	d) Bảo vệ nội quy, pháp luật: Phê phán những hành vi trái quy định của nội quy, pháp luật.

PHỤ LỤC 4 CÁC BIỂU HIỆN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Công văn số 1134/SGDDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 23/8/2016
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Năng lực	Biểu hiện
1. Năng lực tự học	a) Xác định mục tiêu học tập: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động; tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.
	b) Lập kế hoạch và thực hiện cách học: Lập và thực hiện kế hoạch học tập; thực hiện các cách học: Hình thành cách ghi nhớ của bản thân; phân tích nhiệm vụ học tập để lựa chọn được các nguồn tài liệu đọc phù hợp: các đề mục, các đoạn bài ở sách giáo khoa, sách tham khảo, Internet; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, bằng bản đồ khái niệm, bảng, các từ khoá; ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính; tra cứu tài liệu thư viện.
	c) Đánh giá và điều chỉnh việc học: Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập.
2. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	a) Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.
	b) Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.
	c) Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề và nhận ra sự phù hợp hay không phù hợp của giải pháp thực hiện.
	d) Nhận ra ý tưởng mới: Xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
	đ) Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Phát hiện yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho; đề xuất giải pháp cải tiến hay thay thế các giải pháp không còn phù hợp; so sánh và bình luận được về các giải pháp đề xuất.
e) Tư duy độc lập: Đặt các câu hỏi khác nhau về một sự vật, hiện tượng; chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc; quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.	
3. Năng lực thẩm mỹ	a) Nhận ra cái đẹp: Có cảm xúc và chính kiến cá nhân trước hiện tượng trong tự nhiên, đời sống xã hội và nghệ thuật.
	b) Diễn tả, giao lưu thẩm mỹ: Giới thiệu được, tiếp nhận có chọn lọc thông tin trao đổi về biểu hiện của cái đẹp trong tự nhiên, trong đời sống xã hội, trong nghệ thuật và trong tác phẩm của mình, của người khác.
	c) Tạo ra cái đẹp: Diễn tả được ý tưởng của mình theo chủ đề sáng tác, sử dụng công cụ, kỹ thuật và vật liệu sáng tác phù hợp trong sáng tác mỹ thuật.

4. Năng lực thể chất	a) Sống thích ứng và hài hòa với môi trường: Nêu được cơ sở khoa học của chế độ dinh dưỡng, sinh hoạt, các biện pháp giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh, bảo vệ sức khoẻ; tự vệ sinh cá nhân đúng cách, lựa chọn cách ăn, mặc, hoạt động phù hợp với thời tiết và đặc điểm phát triển của cơ thể; thực hành giữ gìn vệ sinh môi trường sống xanh, sạch, không ô nhiễm.	
	b) Rèn luyện sức khoẻ thể lực: Thường xuyên, tự giác tập luyện thể dục, thể thao; lựa chọn tham gia các hoạt động thể dục, thể thao phù hợp với tăng tiến về sức khoẻ, thể lực, điều kiện sống và học tập của bản thân và cộng đồng.	
	c) Nâng cao sức khoẻ tinh thần: Lạc quan và biết cách thích ứng với những điều kiện sống, học tập, lao động của bản thân; có khả tự điều chỉnh cảm xúc cá nhân, chia sẻ, cảm thông với mọi người và tham gia cổ vũ động viên người khác.	
5. Năng lực giao tiếp	a) Sử dụng tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lưu loát và đúng ngữ điệu; đọc hiểu nội dung chính và chi tiết các bài đọc có độ dài vừa phải, phù hợp với tâm lí lứa tuổi; phản hồi những văn bản đã đọc một cách tương đối hiệu quả; bước đầu có ý thức tìm tòi, mở rộng phạm vi đọc...; - Viết đúng các dạng văn bản về những chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân ưa thích (bằng chữ viết tay và đánh máy, biết kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh, đồ thị... minh họa); Biết tóm tắt nội dung chính của bài văn, câu chuyện ngắn; trình bày một cách thuyết phục quan điểm của cá nhân...; - Có vốn từ vựng tương đối phong phú cho học tập và giao tiếp hàng ngày; sử dụng tương đối linh hoạt và có hiệu quả các kiểu câu khác nhau; nói rõ ràng, mạch lạc, tự tin và đúng ngữ điệu; kể được các câu chuyện ngắn, đơn giản về các chủ đề khác nhau; trình bày được nội dung chủ đề thuộc chương trình học tập; biết trình bày và bảo vệ quan điểm, suy nghĩ của mình; kết hợp lời nói với động tác cơ thể và các phương tiện hỗ trợ khác...; - Nghe hiểu nội dung chính hay nội dung chi tiết các bài đối thoại, chuyện kể, lời giải thích, cuộc thảo luận; có thái độ tích cực trong khi nghe; có phản hồi phù hợp,... 	
	b) Sử dụng ngoại ngữ: Đạt năng lực bậc 2 về một ngoại ngữ.	
	c) Xác định mục đích giao tiếp: Bước đầu biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp.	
	d) Thể hiện thái độ giao tiếp: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp; nhận ra được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.	
	đ) Lựa chọn nội dung và phương thức giao tiếp: Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.	
	6. Năng lực hợp tác	a) Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao các nhiệm vụ; xác định được loại công việc nào có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm với quy mô phù hợp.
		b) Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: Biết trách nhiệm, vai trò của mình trong nhóm ứng với công việc cụ thể; phân tích nhiệm vụ của cả nhóm để nêu được các hoạt động phải thực hiện, trong đó tự đánh giá được hoạt động mình có thể đảm nhiệm tốt nhất để tự đề xuất cho nhóm phân công.
c) Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác: Nhận biết được đặc điểm, khả năng của từng thành viên cũng như kết quả làm việc nhóm; dự kiến phân công từng thành viên trong nhóm các công việc phù hợp.		

	<p>d) Tổ chức và thuyết phục người khác: Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; chia sẻ khiếm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.</p>
	<p>đ) Đánh giá hoạt động hợp tác: Biết dựa vào mục đích đặt ra để tổng kết hoạt động chung của nhóm; nêu mặt được, mặt thiếu sót của cá nhân và của cả nhóm.</p>
7. Năng lực tính toán	<p>a) Sử dụng các phép tính và đo lường cơ bản: Sử dụng được các phép tính (cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, khai căn) trong học tập và trong cuộc sống; hiểu và có thể sử dụng các kiến thức, kỹ năng về đo lường, ước tính trong các tình huống quen thuộc.</p>
	<p>b) Sử dụng ngôn ngữ toán: Sử dụng được các thuật ngữ, ký hiệu toán học, tính chất các số và của các hình hình học; sử dụng được thống kê toán học trong học tập và trong một số tình huống đơn giản hàng ngày; hình dung và có thể vẽ phác hình dạng các đối tượng, trong môi trường xung quanh, nêu được tính chất cơ bản của chúng; hiểu và biểu diễn được mối quan hệ toán học giữa các yếu tố trong các tình huống học tập và trong đời sống; bước đầu vận dụng được các bài toán tối ưu trong học tập và trong cuộc sống; biết sử dụng một số yếu tố của logic hình thức để lập luận và diễn đạt ý tưởng.</p>
	<p>c) Sử dụng công cụ tính toán: Sử dụng được các dụng cụ đo, vẽ, tính; sử dụng được máy tính cầm tay trong học tập cũng như trong cuộc sống hàng ngày; bước đầu sử dụng máy vi tính để tính toán trong học tập.</p>
8. Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)	<p>a) Sử dụng và quản lý các phương tiện, công cụ của công nghệ kỹ thuật số: Sử dụng đúng cách các thiết bị và phần mềm ICT thông dụng để thực hiện một số công việc cụ thể trong học tập; biết tổ chức và lưu trữ dữ liệu.</p>
	<p>b) Nhận biết, ứng xử phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật trong xã hội số hóa: Biết các quy định pháp luật cơ bản liên quan đến quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên thông tin, tôn trọng bản quyền và quyền an toàn thông tin của người khác; sử dụng được một số cách thức bảo vệ an toàn thông tin cá nhân và cộng đồng; tuân thủ quy định pháp lý và các yêu cầu bảo vệ sức khỏe trong khai thác và sử dụng ICT; tránh các tác động tiêu cực tới bản thân và cộng đồng.</p>
	<p>c) Phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường công nghệ tri thức: Biết tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn với các chức năng tìm kiếm đơn giản; biết đánh giá sự phù hợp của dữ liệu và thông tin đã tìm thấy với nhiệm vụ đặt ra; biết tổ chức dữ liệu và thông tin phù hợp với giải pháp giải quyết vấn đề; biết thao tác với ứng dụng cho phép lập trình trò chơi, lập trình trực quan hoặc các ngôn ngữ lập trình đơn giản.</p>
	<p>d) Học tập, tự học với sự hỗ trợ của ICT: Sử dụng được một số phần mềm học tập; sử dụng được môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin phù hợp với mục tiêu học tập và khai thác được các điều kiện hỗ trợ tự học.</p>
	<p>đ) Giao tiếp, hòa nhập, hợp tác qua môi trường ICT: Biết lựa chọn và sử dụng các công cụ ICT thông dụng để chia sẻ, trao đổi thông tin và hợp tác một cách an toàn; biết hợp tác trong ứng dụng ICT để tạo ra các sản phẩm đơn giản phục vụ học tập và đời sống.</p>